

Số: 12-QĐ/TTCĐM

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử cán bộ đi công tác

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ

Căn cứ vào thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và quy chế hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ;

Căn cứ vào Hợp đồng tư vấn số: 110/2022/HĐDV/CCID-CDM giữa Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng và Trung tâm Nghiên cứu Cơ Điện Mỏ về việc “*Phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 và tính toán khối lượng đào đắp khoáng sản trên địa hình mỏ đá Ngà Voi sau xây dựng cơ bản - Công ty xi măng Vicem Hải Phòng*”;

Căn cứ vào năng lực của cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quyết định phân công các cán bộ có tên sau thực hiện các nội dung của Hợp đồng số 110/2022/HĐDV/CCID-CDM.

- 1) Nguyễn Quốc Long
- 2) Lê Văn Cảnh

Điều 2. Các cán bộ có tên tại Điều 1 được hưởng đầy đủ chính sách công tác phí theo quy chế tài chính của Trung tâm; Được đi và về bằng taxi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Lưu Trung tâm;
- Như điều 3.



GIÁM ĐỐC
GS.TS. *Bùi Xuân Nam*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2022

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số 1110/2022/HĐDV/CCID-CĐM

**PHỐI HỢP KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1/500 VÀ TÍNH TOÁN
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẬP KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA HÌNH MỎ ĐÁ
NGÀ VOI SAU XÂY DỰNG CƠ BẢN- CÔNG TY
XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**

GIỮA

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XI MĂNG

VÀ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ



MỤC LỤC HỢP ĐỒNG

PHẦN I - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	2
PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.....	2
Điều 2: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm của hợp đồng.....	3
Điều 3: Nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng.....	3
Điều 4: Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng.....	3
Điều 5: Giá hợp đồng.....	3
Điều 6: Điều khoản thanh, quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	4
Điều 7: Điều chỉnh hợp đồng.....	4
Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Bên B.....	5
Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên A.....	5
Điều 10: Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng, bản quyền.....	6
Điều 11: Nhân sự.....	6
Điều 12: Rủi ro và bất khả kháng.....	6
Điều 13: Giải quyết tranh chấp.....	7
Điều 14: Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	8
Điều 15: Điều khoản chung.....	8

PHẦN I - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc hội;
- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Các Nghị định và Thông tư quy định, hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của các luật nêu trên;
- Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 10/10/2022 giữa Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng và Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ về việc Phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 và tính toán khối lượng đào đắp khoáng sản trên địa hình mỏ đá Ngà Voi sau xây dựng cơ bản - Công ty xi măng Vicem Hải Phòng;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng (CCID), chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên A: CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XI MĂNG (CCID)

- Đại diện là : Ông Trương Phú Cường
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Ngõ 122 Vĩnh Tuy - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Điện thoại : 0243.8626774
- Fax : 0243.8623937
- Tài khoản số : 22210000365566
- Mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân
- Mã số thuế : 0100106320-004

2. Bên B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ

- Đại diện là : Ông Bùi Xuân Nam
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Phòng N.01, nhà N Khu B, trường Đại học Mỏ-Địa chất, tổ dân phố số 4, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại : 0243.868.1888
- Tài khoản số : 113.000.000.900
- Mở tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Mã số thuế : 0100529622

10/10/2022
UV,
HA
XI
TR

Các bên thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung và khối lượng công việc

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc bao gồm như sau:

- Cũ 02 chuyên gia phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 mỏ đá Ngà Voi;
- Tính toán khối lượng đào đắp khoáng sản trên địa hình mỏ đá Ngà Voi sau xây dựng cơ bản - Công ty xi măng Vicem Hải Phòng theo Đề cương kỹ thuật được Bên A chấp thuận.

Điều 2: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm của hợp đồng

2.1. Chất lượng công việc do Bên B thực hiện: Phải đáp ứng được yêu cầu của Bên A và tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

2.2. Bàn giao sản phẩm của Hợp đồng

2.2.1. Số lượng sản phẩm của Hợp đồng: Bên B phải lập và nộp cho Bên A số lượng hồ sơ tài liệu như sau:

- Báo cáo chính thức: 06 bộ.
- 01 USB ghi đầy đủ nội dung báo cáo.

2.2.2. Địa điểm và phương thức giao nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh đến địa chỉ của Bên A.

Điều 3: Nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng

Sau khi Bên B đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc trong Hợp đồng, sản phẩm của Hợp đồng đã bàn giao, hai bên thống nhất biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của Hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán Hợp đồng.

Điều 4: Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện: trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ các tài liệu của Bên A phục vụ cho công việc.

Điều 5: Giá hợp đồng

5.1 Giá hợp đồng:

5.1.1. Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 8% là: 195.480.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
1	Chi phí tư vấn (trước thuế GTGT)	181.000.000	
2	Thuế GTGT (8%)	14.480.000	
	Tổng cộng sau thuế GTGT	195.480.000	

5.1.2. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5.1.3. Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 7 [Điều chỉnh hợp đồng].

5.2. Nội dung của giá Hợp đồng.

Nội dung của giá Hợp đồng bao gồm toàn bộ các khoản chi phí để hoàn thành các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của Bên B và các chi phí khác và thuế giá trị gia tăng.

Điều 6: Điều khoản thanh, quyết toán và thanh lý hợp đồng

6.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

6.2. Đồng tiền thanh toán: là đồng tiền Việt Nam.

6.3. Tạm ứng và thanh toán:

- Tạm ứng Hợp đồng: Không tạm ứng

- Thanh toán:

Sau khi Bên B hoàn thành các nội dung công việc của hợp đồng, (bao gồm cả phụ lục hợp đồng nếu có), hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu công việc hoàn thành. Trên cơ sở nghiệm thu, hai Bên sẽ thống nhất hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng. Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán cho Bên B sau khi nhận đủ các hồ sơ thanh toán do Bên B gửi. Bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành;

+ Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng;

+ Phụ lục hợp đồng (nếu có);

+ Văn bản đề nghị thanh toán và hóa đơn GTGT.

Điều 7: Điều chỉnh hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong khoảng thời gian 05 ngày kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của Bên A hoặc Bên B, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

7.1. Điều chỉnh khối lượng công việc:

- Trường hợp Bên A có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng.

- Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong Hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận Hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục Hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán Hợp đồng.

7.2. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

104
ĐN
ÁN
T
MÁ
UNC

7.3. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Thực hiện nghiêm chỉnh nội dung công việc ghi trong các điều khoản của hợp đồng.

- Có quyền chủ động tổ chức thực hiện các công việc được giao đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Có quyền yêu cầu Bên A cung cấp những tài liệu cần thiết có liên quan đến phạm vi công việc của hợp đồng này. Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

- Thường xuyên thông báo cho Bên A các dữ liệu, số liệu có liên quan để hai bên cùng bàn bạc xử lý trong quá trình tiến hành các bước công việc.

- Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm trước Bên A về tính chính xác, độ tin cậy của các báo cáo khi giao nộp cho Bên A.

- Tất cả các tài liệu do Bên B soạn thảo cho hợp đồng này sẽ là tài sản của Bên A, Bên B có trách nhiệm bàn giao toàn bộ các tài liệu này cho Bên A.

- Bên B đảm bảo rằng sản phẩm do Bên B cung cấp là hợp pháp, không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

- Kịp thời thông báo cho Bên A những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc để hai bên phối hợp nhận hướng dẫn cách thức xử lý.

- Hoàn thành, điều chỉnh báo cáo trong thời hạn theo yêu cầu của Bên A.

- Cử người có năng lực, kinh nghiệm phù hợp thực hiện hợp đồng, thay thế, bổ sung nhân lực theo đúng yêu cầu của Bên A.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan cần thiết để Bên B phục vụ cho công việc của mình theo nội dung của hợp đồng.

- Giám sát, kiểm tra và đôn đốc Bên B thực hiện nội dung công việc, đưa ra các ý kiến cần thiết để Bên B kịp thời thực hiện trong phạm vi công việc quy định trong hợp đồng.

- Có quyền yêu cầu Bên B sửa chữa những sai sót hoặc bổ sung, thay đổi những vấn đề không phù hợp. Bên B thực hiện các yêu cầu của Bên A bằng chi phí của mình và hoàn thành trong thời hạn do Bên A chỉ định.

- Nhận đủ khối lượng các hồ sơ, tài liệu do Bên B giao theo đúng quy định của nhà nước đối với công việc được giao trong hợp đồng này.

- Tạo điều kiện cho Bên B hoàn thành công việc được giao đảm bảo tiến độ đã thống nhất.

- Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Nghiệm thu và thanh quyết toán cho Bên B theo đúng thời gian đã thoả thuận trong hợp đồng này mà không chịu bất kỳ hạn chế nào từ phía Bên B hay bên thứ ba.

- Được toàn quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này mà không chịu bất kỳ hạn chế nào từ phía Bên B hay bên thứ ba.

Điều 10: Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng, bản quyền

10.1. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng

- Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của Bên B trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

- Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng đã ký với Bên A cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng đó.

10.2. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Bên B cung cấp cho Bên A.

Điều 11: Nhân sự

Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

Bên B phải huy động đủ nhân sự có năng lực phù hợp để thực hiện các nội dung công việc đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện hợp đồng.

Điều 12: Rủi ro và bất khả kháng

12.1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của một bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và các yếu tố bất khả kháng khác khi thực hiện hợp đồng mà khi ký hợp đồng các Bên chưa lường hết được.

12.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân

20-11
TY
AU T
RIEN
NG
T.P.H

gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp đồng.

12.3. Trách nhiệm của các Bên đối với bất khả kháng

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo hợp đồng.

12.4. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm.

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong Khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các Bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 13 [Giải quyết tranh chấp].

Điều 13: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có các vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và giải quyết trên tinh thần hợp tác. Phương thức tự hoà giải sẽ được ưu tiên hàng đầu.

- Trường hợp, nếu hai bên không tự giải quyết được sẽ đưa ra Toà án kinh tế Thành phố Hà Nội giải quyết, phán quyết của Toà án là kết luận cuối cùng đối với cả hai bên, lỗi do bên nào gây nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi hoàn mọi phí tổn.

Điều 14: Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

14.1. Quyết toán Hợp đồng

Sau khi có Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc, hai bên lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B theo quy định tại Điều 10 [Điều khoản thanh, quyết toán và thanh lý hợp đồng].

14.2. Việc thanh lý Hợp đồng sẽ được hoàn tất sau khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 15: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

- Nếu một trong hai bên đơn phương thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng thì Bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho Bên kia theo các quy định của pháp luật.

- Hợp đồng này có hiệu lực tính từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản. /.



ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Trương Phú Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Bùi Xuân Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC

1. Đối tượng nghiệm thu: Phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 và tính toán trữ lượng đá vôi còn tồn lại sau khi nổ mìn trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Ngà Voi - Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Hải Phòng.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện Bên A: Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng

- Ông: Đỗ Mạnh Cường Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: Vương Văn Quế Chức vụ: Phụ trách phòng Kinh tế Kế hoạch
- Ông: Lê Văn Tuấn Chức vụ: Phụ trách Phòng Xây Dựng Mỏ
- Ông: Thái Bá Dũng Chức vụ: Chủ trì công việc

b) Đại diện Bên B: Trung Tâm Nghiên Cứu Cơ Điện Mỏ

- Ông: Bùi Xuân Nam Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Quốc Long Chức vụ: TP. Công nghệ Địa Không gian

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 09h00 ngày 08 tháng 12 năm 2022
- Kết thúc: 11h00 ngày 08 tháng 12 năm 2022
- Tại: Trụ sở Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng

4. Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc:

4.1. Căn cứ nghiệm thu:

a) Hợp đồng số 1110/2022/HĐDV/CCID-CĐM ngày 11/10/2022 giữa Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển xi măng và Trung Tâm Nghiên Cứu Cơ Điện Mỏ về việc “Phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 và tính toán trữ lượng đá vôi còn tồn lại sau khi nổ mìn trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Ngà Voi - Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Hải Phòng”;

b) TCXDVN và các tài liệu được áp dụng trong quá trình thi công xây dựng:

- TCVN 4419:1987 Khảo sát xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;



- TCXDVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

- TCVN: 5326-2008 kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;

- QCVN 04:2009/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên;

- Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam về Trắc địa mỏ TCVN 10673:2015 (nội dung về tính toán khối lượng, trữ lượng mỏ);

- Các quy phạm, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam có liên quan.

c) Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

d) Giấy phép khai thác số 1330/GP-BTNMT cấp ngày 04/07/2014 của Bộ TNMT cấp phép cho Công ty xi măng Hải Phòng với công suất khai thác 1.390.500 tấn đá vôi/năm (riêng năm thứ 2 là 973.350 tấn và năm cuối cùng khai thác là 1.234.678 tấn). Diện tích khai thác là 17,4 ha, thời hạn khai thác trong thời gian 12 năm, trong đó xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm;

e) Báo cáo tính toán trữ lượng đá vôi còn tồn lại sau khi nổ mìn trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Ngà Voi - Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Hải Phòng.

4.2. Khối lượng công việc đã thực hiện:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng, số lượng Nghiệm thu
1	Cử chuyên gia phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 mỏ đá Ngà Voi	Người	02
	Báo cáo công việc phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 mỏ đá Ngà Voi	Báo cáo	01
	Bảng chấm công chuyên gia phối hợp	Bảng	01
2	Báo cáo tính toán trữ lượng đá vôi còn tồn lại sau khi nổ mìn trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Ngà Voi - Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Hải Phòng	Báo cáo	01

4.2. Số lượng sản phẩm giao nộp: Đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng.

4.3. Chất lượng: Đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu của hợp đồng.

Chủ đầu tư.

4.4. Tiến độ thực hiện: Đạt yêu cầu.

4.5. Các ý kiến khác: Không có.

5. Kết luận:

Bên A xác nhận Bên B đã hoàn thành 100% khối lượng theo Hợp đồng số 1110/2022/HDDV/CCID-CĐM ngày 11/10/2022. Hai bên thống nhất nghiệm thu hoàn thành công việc theo các nội dung trên làm cơ sở thanh quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

Biên bản được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản có giá trị như nhau.

CÁC BÊN THAM GIA NGHIỆM THU

ĐẠI DIỆN BÊN A



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Mạnh Cường

Ông Vương Văn Quế *[Signature]*

Ông Lê Văn Tuấn *[Signature]*

Ông Thái Bá Dũng *[Signature]*

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
G.S.T.S. Bùi Xuân Nam

Ông Nguyễn Quốc Long *[Signature]*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ

Hợp đồng số 1110/2022/HĐHV/CCID-CĐM ký ngày 11/10/2022

Về việc Phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 và tính toán khối lượng đào đắp khoáng sản trên địa hình mỏ đá Ngà Voi sau xây dựng cơ bản - Công ty xi măng Vicem Hải Phòng

Căn cứ hợp đồng số 1110/2022/HĐDV/CCID-CĐM ký ngày 11/10/2022 giữa Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng và Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện Mỏ về việc phối hợp khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 và tính toán khối lượng đào đắp khoáng sản trên địa hình mỏ đá Ngà Voi sau xây dựng cơ bản - Công ty xi măng Vicem Hải Phòng;

Căn cứ biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành ký ngày 08/12/2022 giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XI MĂNG (CCID)

Người đại diện: Ông **Trương Phú Cường** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Ngõ 122 phố Vĩnh Tuy, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.8626774

Fax: 0243.8623937

Tài khoản: 22210000365566

Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Mã số thuế: 0100106320-004

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ

Người đại diện: Ông **Bùi Xuân Nam** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng N.01, nhà N Khu B, trường Đại học Mỏ-Địa chất, tổ dân phố số 4, phường

Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.868.1888

Tài khoản: 113.000.000.900

Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số thuế: 0100529622



Hai bên cùng tiến hành quyết toán và thanh lý hợp đồng số 1110/2022/HĐDV/CCID-CĐM ký ngày 11/10/2022 giữa Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng và Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện Mỏ - Trường đại học Mỏ Địa chất và thống nhất các nội dung sau:

1. Giá trị hợp đồng đã bao gồm 8% thuế GTGT:	195.480.000 VNĐ
2. Giá trị quyết toán hợp đồng đã bao gồm 8% thuế GTGT:	195.480.000 VNĐ
3. Số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B:	0 VNĐ
4. Số tiền Bên A phải trả cho Bên B [(4) = (2) - (3)]:	195.480.000 VNĐ

Hai bên thống nhất với các giá trị quyết toán và thanh lý nêu trên.

Số tiền còn lại là 195.480.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ như quy định trong hợp đồng.

KẾT LUẬN:

Hợp đồng số 1110/2022/HĐDV/CCID-CĐM ký ngày 11/10/2022 giữa Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng và Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện Mỏ - Trường đại học Mỏ Địa chất đã được hai bên thống nhất quyết toán và thanh lý và không còn giá trị sau khi Bên B nhận đủ số tiền 195.480.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XI MĂNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TP. HÀ NỘI
Trương Phú Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Bùi Xuân Nam